



Văn phòng Thành ủy
28.10.2021 18:41:53
+07:00

THÀNH ỦY HẢI PHÒNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

Số 03-NQ/TU

Hải Phòng, ngày 26 tháng 10 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ THÀNH ỦY
về Chuyển đổi số thành phố Hải Phòng đến năm 2025,
định hướng đến năm 2030

I. TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta đã lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nghiên cứu nắm bắt, nâng cao năng lực tiếp cận và chủ động tham gia Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0). Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc CMCN 4.0; Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03/6/2020 ban hành Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, xác định chuyển đổi số là “chìa khóa” để chủ động tham gia cuộc CMCN 4.0; Quyết định số 942/QĐ-TTg, ngày 15/6/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng đến Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng 2030.

Tại Hải Phòng, Ban Thường vụ Thành ủy đã ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 27/12/2013 về phát triển viễn thông, công nghệ thông tin (CNTT) thành phố Hải Phòng đến năm 2020. Trên cơ sở đó, các cấp, các ngành đã tích cực triển khai thực hiện và đạt một số kết quả bước đầu trong chuyển đổi số. Hạ tầng viễn thông, CNTT được đầu tư khá đồng bộ; hình thành các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, phục vụ công tác chỉ đạo điều hành và phục vụ người dân. 100% thủ tục hành chính được cung cấp trực tuyến (trong đó 33% ở mức độ 4); 90% văn bản được ký số phát hành trên môi trường mạng (trừ văn bản mật). 100% khu vực dân cư được phủ sóng thông tin di động 3G, 4G đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng dịch vụ của các tổ chức và người dân. 100% doanh nghiệp đang hoạt động khai, nộp thuế điện tử; 80% doanh nghiệp có quy mô lớn tiến hành giao dịch thương mại điện tử. Ngành công nghiệp công nghệ cao có tốc độ phát triển khá, tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong các ngành chế biến, chế tạo tăng nhanh từ 16,4% năm 2015 lên 45,5% năm 2020.

Tuy nhiên, so với yêu cầu, việc thực hiện chuyển đổi số vẫn còn nhiều hạn chế, như: ứng dụng CNTT trong chỉ đạo, điều hành còn hạn chế; hạ tầng công nghệ thông tin xuống cấp, cơ sở dữ liệu manh mún, rời rạc, thiếu tính kết nối, chia

sẽ dùng chung; nguồn nhân lực mỏng, thiếu cán bộ, chuyên gia trong lĩnh vực công nghệ thông tin; thiếu ứng dụng, dịch vụ số phục vụ người dân, doanh nghiệp; ứng dụng CNTT trong khối Đảng, đoàn thể thành phố còn hạn chế; công nghiệp CNTT chủ yếu lắp ráp; ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, kinh doanh và quản trị của doanh nghiệp còn bị động; hoạt động thương mại điện tử ở mức thấp... Nguyên nhân do một số cấp ủy đảng, chính quyền, địa phương, đơn vị chưa thật sự quan tâm đến chuyển đổi số; tỷ lệ đầu tư phát triển công nghệ thông tin chưa tương xứng với yêu cầu phát triển; các cơ chế chính sách đầu tư, thu hút đầu tư phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, thu hút nguồn nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao còn hạn chế...

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

- Xác định chuyển đổi số là “động lực” trong phát triển thành phố; là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài; phải tiến hành kiên quyết, kiên trì, liên tục với những bước đi vững chắc, tích cực, chủ động và có trọng tâm, trọng điểm; kế thừa những thành tựu phát triển công nghệ, ứng dụng và dữ liệu số đã có, đi đôi với đổi mới, sáng tạo. Chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong lãnh đạo của các cấp ủy đảng, trong toàn bộ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, người dân và doanh nghiệp nhằm phục vụ tốt nhất nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội thành phố.

- Nhận thức đúng vai trò quyết định trong chuyển đổi số. Sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, đặc biệt là người đứng đầu; hành động đồng bộ ở các cơ quan, đơn vị, địa phương và sự tham gia của tổ chức, doanh nghiệp và người dân là yếu tố bảo đảm sự thành công của chuyển đổi số; người dân và doanh nghiệp là trung tâm của chuyển đổi số. Dữ liệu số là nguồn tài nguyên, phải được mở, chia sẻ trong toàn bộ hệ thống chính trị và phục vụ người dân, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng là then chốt để chuyển đổi số thành công và bền vững, đồng thời là phần xuyên suốt, không thể tách rời của chuyển đổi số.

- Khai thác tối đa mọi nguồn lực của Trung ương, của thành phố và xã hội, trong đó xác định nguồn lực bên trong là quyết định, chiến lược, cơ bản, lâu dài; nguồn lực bên ngoài là quan trọng, đột phá; bảo đảm sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của toàn xã hội.

III. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động lãnh đạo, quản lý, điều hành của cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố dựa trên áp dụng công nghệ số, dữ liệu số. Tạo ra các giá trị tăng trưởng mới từ kinh tế số, với ba trụ cột kinh tế: công nghiệp công nghệ cao, cảng biển - logistics, du lịch - thương mại; hình thành và phát triển môi trường số an toàn, tiện

ích, phục vụ tối đa nhu cầu sản xuất, kinh doanh cũng như sinh hoạt cộng đồng của người dân; tạo môi trường khởi nghiệp sáng tạo, chủ động tiếp cận và tận dụng các cơ hội của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo nền tảng vững chắc để đến năm 2030 Hải Phòng trở thành thành phố công nghiệp phát triển hiện đại, văn minh, bền vững tâm cỡ khu vực Đông Nam Á theo tinh thần Nghị quyết 45-NQ/TW của Bộ Chính trị.

2. Mục tiêu cơ bản đến năm 2025

2.1. Phát triển Chính quyền số

- Các cơ quan Đảng, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội thành phố thực hiện đơn giản hóa, chuẩn hóa, thống nhất các thủ tục hành chính phục vụ xã hội; cung cấp dịch vụ trên nguyên tắc đảm bảo chất lượng dịch vụ, giảm chi phí, tăng năng suất lao động xã hội một cách chủ động, kịp thời đáp ứng nhu cầu của xã hội; vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số, tạo ra môi trường làm việc và công cụ làm việc để cán bộ, công chức, viên chức có thể thực hiện tốt nhất nhiệm vụ của mình. Cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số, có năng lực kiến tạo phát triển, dẫn dắt chuyển đổi số trong từng ngành, lĩnh vực, địa phương.

- Người dân, doanh nghiệp có thể sử dụng dịch vụ số theo nhu cầu cá thể hóa, theo suốt cuộc đời, khi cần, theo cách thuận tiện, trực tuyến hoặc trực tiếp, dễ dàng, đơn giản, nhanh chóng, không giấy tờ, không cần sự hiện diện nếu pháp luật không yêu cầu.

- Người dân, doanh nghiệp và các tổ chức khác có thể dễ dàng tham gia ý kiến đóng góp cho hoạt động của cơ quan Nhà nước, phản ánh những vấn đề của xã hội xung quanh mình tới cơ quan nhà nước và nhận được ý kiến phản hồi về sự tham gia, kết quả tham gia của mình. Doanh nghiệp có thể tham gia cung cấp dịch vụ công hoặc phát triển những dịch vụ mới, sáng tạo, giúp xã hội có thể dễ dàng tiếp cận và sử dụng dịch vụ công của cơ quan nhà nước.

** Một số chỉ tiêu chủ yếu:*

(1) 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

(2) 100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương.

(3) 90% hồ sơ công việc tại các cơ quan thành phố; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

(4) 100% cơ quan nhà nước thành phố tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

(5) 100% công tác báo cáo được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo quốc gia; hồ sơ dữ liệu điện tử được tạo, lưu giữ, chia sẻ theo quy định. Cơ quan nhà nước thành phố có nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động.

(6) Tối thiểu 50% hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

2.2. Phát triển Kinh tế số

- Tăng dần tỷ lệ đóng góp của kinh tế số trong GRDP thành phố, cao hơn mức bình quân cả nước (20%); tăng tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực; tăng năng suất lao động hàng năm; cung cấp các bộ dữ liệu mở, công khai cho tổ chức, công dân, doanh nghiệp sử dụng, phục vụ tạo ra sản phẩm mới.

- Hỗ trợ, ưu tiên thu hút các doanh nghiệp công nghiệp sạch, công nghệ cao, công nghệ thông minh, đặc biệt là các doanh nghiệp công nghệ số, các trung tâm nghiên cứu và phát triển hoạt động trong các khu công nghiệp, khu kinh tế góp phần tạo ra việc làm mới.

** Một số chỉ tiêu chủ yếu:*

(1) Phần đầu kinh tế số chiếm 25% GRDP thành phố.

(2) Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 15%.

(3) Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 15%.

2.3. Phát triển Xã hội số

- Mỗi hộ gia đình đều có địa chỉ số, tiếp cận được dịch vụ Internet băng thông rộng; mỗi người dân trong độ tuổi lao động có sử dụng điện thoại thông minh; khu vực dân cư nội thành có sóng và dịch vụ 5G. Đa số người dân, doanh nghiệp được trang bị kỹ năng số và các quy tắc ứng xử trên môi trường số.

- Mỗi người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử; cơ sở y tế sử dụng hồ sơ sức khỏe điện tử trong khám, chữa bệnh, thanh toán viện phí qua mạng; kiểm tra chứng nhận, đánh giá an toàn thực phẩm của các nhà hàng và truy xuất nguồn gốc thực phẩm theo chuỗi đối với các thực phẩm thiết yếu. Mỗi học sinh có mã học sinh duy nhất và có hồ sơ, học bạ điện tử; thanh toán học phí qua mạng; các trường triển khai tuyển sinh trực tuyến đầu cấp dựa trên dữ liệu số; hình thành nền tảng giáo dục trực tuyến. Cung cấp ứng dụng, dịch vụ thiết yếu trên môi trường số cho người dân, đảm bảo an toàn thông tin.

** Một số chỉ tiêu chủ yếu:*

(1) Hạ tầng mạng băng thông rộng cáp quang phủ 90% hộ gia đình, 100% xã, phường, thị trấn.

(2) Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G khu vực đô thị trung tâm.

(3) Phổ cập điện thoại di động thông minh, tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 50%, cung cấp danh tính số trên nền tảng di động cho tối thiểu 40% người dân sống và làm việc trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

3. Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

3.1. Phát triển Chính quyền số

- 100% hồ sơ công việc tại cấp thành phố; 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- Hình thành nền tảng dữ liệu và hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT), kết nối, chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước; mở dữ liệu cho các tổ chức, doanh nghiệp, tăng 30% dịch vụ sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp; hoàn thành cung cấp định danh số, danh tính số trên nền tảng di động cho người dân và doanh nghiệp.

- 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

3.2. Phát triển Kinh tế số

- Phần đầu kinh tế số chiếm 35% GRDP thành phố.

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 25%.

- Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 16%.

3.3. Phát triển Xã hội số

- Hạ tầng băng thông rộng phủ 100% hộ gia đình, 100% xã, phường, thị trấn.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G.

- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 80%.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tạo nền móng thực hiện chuyển đổi số

1.1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

- Cấp ủy, chính quyền các cấp tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương về chuyển đổi số. Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị, tổ chức, lĩnh vực, địa bàn phụ trách. Các ngành, các cơ quan, đơn vị, các tổ chức chính trị - xã hội phải tận dụng tối đa cơ hội để phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Mỗi quận, huyện chủ động lựa chọn một đơn vị cấp xã để triển khai thử nghiệm chuyển đổi số, đánh giá, triển khai nhân rộng.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, học tập, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên, cộng đồng doanh nghiệp và người dân về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số. Phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trên địa bàn thành phố trong công tác tuyên truyền; thực hiện tốt chức năng giám sát, vận động Nhân dân tích cực hưởng ứng chương trình chuyển đổi số tại địa phương.

1.2. Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù thúc đẩy quá trình chuyển đổi số

Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù của thành phố để hỗ trợ, thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp chuyển đổi số toàn diện, hiệu quả, phù hợp với môi trường số; tạo môi trường, điều kiện thuận lợi thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; tích cực thu hút các doanh nghiệp số đầu tư vào thành phố. Ưu tiên bố trí ngân sách và các nguồn lực khác theo đúng quy định để thực hiện thành công các nhiệm vụ chuyển đổi số theo định hướng, kế hoạch của thành phố.

1.3. Đầu tư phát triển hạ tầng số, nền tảng số

- Xây dựng, phát triển hạ tầng băng thông rộng chất lượng cao trên địa bàn thành phố. Phát triển hạ tầng mạng di động 5G; nâng cấp mạng di động 4G tại các khu dân cư trên toàn thành phố; ưu tiên triển khai tại các khu công nghiệp, cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện, bảo đảm sự kết nối, liên thông trong toàn thành phố. Triển khai các giải pháp để phủ cập điện thoại di động thông minh trên địa bàn thành phố.

- Chuyển đổi toàn bộ mạng Internet của thành phố sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6); phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT); xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như: giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị, cảng biển - logistics, chăm sóc sức khỏe y tế... để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số; phát triển các hạ tầng dùng chung, tránh đầu tư trùng lặp.

- Triển khai hệ thống định danh và xác thực điện tử, nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử trên địa bàn thành phố phục vụ giao dịch điện tử giữa người dân với cơ quan nhà nước và các giao dịch dân sự khác một cách dễ dàng, đơn giản, tiện lợi.

1.4. Phát triển dữ liệu

- Phát triển kho dữ liệu dùng chung của thành phố làm nền tảng của chính quyền số, hạ tầng dữ liệu quan trọng hỗ trợ các cơ quan nhà nước ra quyết định chính sách quản lý, điều hành, phát triển kinh tế xã hội, chăm sóc sức khỏe, cung cấp dịch vụ công, thu hút đầu tư, lắng nghe ý kiến của người dân và doanh nghiệp.

- Kết nối và khai thác dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về: dân cư, doanh nghiệp, đất đai, tài chính... để đơn giản hóa thủ tục hành chính và các giấy tờ liên quan đến người dân, doanh nghiệp. Đẩy mạnh triển khai các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án số hoá, chuyển đổi số mọi quy trình nghiệp vụ của cơ quan nhà nước. Từng bước hình thành các hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu mở cấp thành phố.

- Áp dụng công nghệ mới nhất về truyền thông xã hội, cung cấp thông tin và dịch vụ hành chính công một cách đơn giản, thuận tiện trên di động, phân tích dữ liệu lớn (Big Data Analytics), trí tuệ nhân tạo (AI), thực tế ảo/ thực tế tăng cường (VR/AR) để thực hiện chuyển đổi số toàn diện các mặt công tác chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước và cung cấp trải nghiệm tốt nhất, thân thiện nhất cho người dùng.

- Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ, biểu mẫu, chế độ báo cáo trên môi trường mạng; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.

1.5. Tạo lập niềm tin, đảm bảo an ninh mạng

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống hạ tầng thông tin theo nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, tăng cường dùng chung hạ tầng thông tin. Xây dựng và triển khai hệ thống xác định, phát hiện thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng và kịp thời xử lý. Chỉ đạo các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp hạ tầng và nền tảng số trong công tác bảo đảm an toàn thông tin; phát triển hệ thống nền tảng, hạ tầng, mạng lưới gắn với bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Xây dựng và triển khai hệ thống giám sát, cảnh báo sớm nguy cơ, điều phối ứng cứu sự cố mất an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan, tổ chức trên địa bàn thành phố.

- Triển khai mô hình bảo đảm an toàn thông tin chuyên nghiệp, kết nối, chia sẻ thông tin với hệ thống giám sát quốc gia.

1.6. Hợp tác, nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo

- Xây dựng chương trình hành động cụ thể để nghiên cứu, chuyển giao, triển khai các công nghệ mới, kết nối chuỗi tri thức từ nghiên cứu, phát triển đến thương mại, tăng tỷ lệ đầu tư công cho các dự án công nghệ. Ưu đãi, hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp phát triển và khuyến khích các doanh nghiệp truyền thống đi đầu trong việc ứng dụng các công nghệ 4.0.

- Chủ động, tích cực tham gia các tổ chức, diễn đàn trong nước và quốc tế về chuyển đổi số, thành phố thông minh, tăng cường hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm, huy động nguồn lực nghiên cứu, phát triển, chuyển giao các công nghệ mới, mô hình mới.

- Đẩy mạnh triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, nhất là các nghiên cứu ứng dụng có kết quả, sản phẩm phù hợp với định hướng xây dựng chính quyền số, thành phố thông minh; ưu tiên phân bổ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho chuyển đổi số, chú trọng các nhiệm vụ có kinh phí đối ứng của doanh nghiệp.

1.7. Phát triển nguồn nhân lực

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin hiện có, tập trung đào tạo, bồi dưỡng, thu hút nguồn nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao sẵn sàng tham gia vào quá trình chuyển đổi số của thành phố. Chủ động liên kết với các viện, trường, trung tâm nghiên cứu và các đối tác trong và ngoài nước để đào tạo nguồn nhân lực phục vụ quá trình chuyển đổi số của thành phố. Tổ chức thúc đẩy chuyển đổi số xã hội, tập trung vào chuyển đổi kỹ năng về công nghệ số và chuyển đổi số, hình thành văn hóa số. Chuẩn bị nguồn nhân lực cho chuyển đổi số để phát triển xã hội số, bảo đảm không ai bị bỏ lại phía sau. Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực an toàn thông tin đáp ứng yêu cầu hoạt động chuyển đổi số.

2. Phát triển Chính quyền số

- Rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung, xây dựng các kiến trúc, quy chế, quy định về xây dựng, phát triển, quản lý, vận hành, khai thác các hệ thống thông tin phục vụ Chính quyền số. Ban hành các chính sách, quy định khuyến khích người dân và doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ Chính quyền số. Triển khai trung tâm dữ liệu, hình thành nền tảng điện toán đám mây dùng chung. Sử dụng hiệu quả mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

- Xây dựng kho dữ liệu dùng chung, Cổng dữ liệu mở của cơ quan nhà nước. Xây dựng nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp thành phố, từ đó tạo ra thông tin mới, dịch vụ dữ liệu mới phục vụ Chính quyền số. Xây dựng ứng dụng đa nền tảng phục vụ điều hành, quản lý tổng thể của chính quyền. Xây dựng kho lưu trữ dữ liệu điện tử về tổ chức, cá nhân, tích hợp với các ứng dụng phục vụ người dân, doanh nghiệp (Cổng dịch vụ công trực tuyến thành phố, ứng dụng mobile...). Xây dựng kho dữ liệu của công dân, tổ chức khi thực hiện các giao dịch trực tuyến với các cơ quan nhà nước, hạn chế việc sử dụng văn bản giấy và cung cấp lặp lại thông tin cho các cơ quan nhà nước.

- Phát triển, nâng cấp các hệ thống thông tin một cửa điện tử, cổng dịch vụ công, quản lý văn bản điều hành và tác nghiệp; hệ thống thông tin báo cáo; hỗ trợ

ra quyết định dựa trên dữ liệu của cơ quan nhà nước các cấp; triển khai các hệ thống làm việc từ xa, hệ thống họp không giấy tờ trong toàn thành phố. Triển khai công tác thanh, kiểm tra được thực hiện thông qua môi trường số. Triển khai thí điểm Trợ lý ảo hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành, tác nghiệp cho các cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước.

- Phát triển các dịch vụ công trực tuyến dựa trên nhu cầu người dân và theo các sự kiện trong cuộc đời, người dân chỉ cung cấp thông tin một lần, ứng dụng công nghệ để phát triển các dịch vụ số mới, đồng thời cắt giảm một số dịch vụ không cần thiết. Ứng dụng mạnh mẽ trí tuệ nhân tạo trong cung cấp dịch vụ như trợ lý ảo, trả lời tự động. Xây dựng Hệ thống phát triển kỹ năng số thành phố Hải Phòng tạo điều kiện cho việc trao đổi tài nguyên học tập, tổ chức các khóa bồi dưỡng kỹ năng số trực tuyến trên toàn thành phố.

- Hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất. Xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC), phát triển các dịch vụ đô thị thông minh. Hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC), triển khai bảo đảm an toàn thông tin mạng theo mô hình bốn lớp, kết nối, chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia.

3. Phát triển Kinh tế số

Thúc đẩy phát triển các loại hình doanh nghiệp công nghệ số, phát triển sản phẩm nội dung số, công nghiệp sáng tạo. Thúc đẩy phát triển công nghiệp công nghệ thông tin và doanh nghiệp công nghệ số. Thúc đẩy chuyển đổi số trong mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản lý của doanh nghiệp trên địa bàn thành phố nhằm nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và cả nền kinh tế của thành phố. Hỗ trợ thị trường thương mại điện tử phát triển nhanh và mạnh, có tính cạnh tranh và phát triển bền vững.

Một số lĩnh vực ưu tiên phát triển:

- *Lĩnh vực Du lịch*: Phát triển công nghệ số phục vụ hoạt động du lịch thông minh như: Công du lịch thông minh cung cấp thông tin cho khách du lịch về điểm đến, sản phẩm dịch vụ du lịch, đăng ký sử dụng dịch vụ du lịch qua thiết bị di động thông minh. Xây dựng bản đồ số hoá dữ liệu di tích, điểm thăm quan, hình thành sản phẩm du lịch bằng công nghệ số mang đến trải nghiệm tốt hơn cho du khách và cứu hộ tại các điểm du lịch.

- *Lĩnh vực Giao thông vận tải, logistics*: Ứng dụng công nghệ số, công nghệ thông minh trong quản lý, điều hành hoạt động giao thông vận tải. Triển khai Công

thông tin giao thông trực tuyến, hỗ trợ người dân, du khách tìm kiếm, sử dụng phương tiện giao thông công cộng. Triển khai ứng dụng nền tảng công nghệ số phục vụ kết nối chuỗi hệ sinh thái hạ tầng cảng biển, hậu cần cảng biển, giao thông, đô thị, trung tâm kho bãi, phục vụ hoạt động logistics.

- *Lĩnh vực Nông nghiệp*: Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù để phát triển kinh tế số trong nông nghiệp; khuyến khích các thành phần xã hội (doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân...) tham gia vào quá trình chuyển đổi số trong nông nghiệp. Ứng dụng công nghệ cao, tự động hoá trong nông nghiệp; phát triển các hệ thống dự báo, cảnh báo thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, phòng chống cháy rừng, phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi để bảo vệ và phát triển sản xuất; hệ thống tiêu thụ và truy xuất nguồn gốc nông sản; xây dựng cổng thông tin chia sẻ dữ liệu nông nghiệp trên nền tảng công nghệ số.

- *Lĩnh vực Tài nguyên và môi trường*: Phát triển hệ thống kho dữ liệu số ngành tài nguyên và môi trường; triển khai các giải pháp thông minh trong quan trắc, giám sát, quản lý, xử lý sự cố môi trường, cảnh báo sớm thiên tai.

4. Phát triển Xã hội số

Triển khai các chương trình đào tạo, đào tạo lại kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số cho người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, giám đốc điều hành các doanh nghiệp. Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình tham gia thực hiện thủ tục hành chính của người dân với chính quyền các cấp. Mở rộng các kênh kết nối phục vụ thực hiện thủ tục hành chính của người dân dựa trên nền tảng các mạng xã hội.

Hoàn thành triển khai hệ thống truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin và viễn thông hiện đại, quản trị tập trung trên toàn thành phố. Hoàn thành triển khai định danh số và bản đồ số, địa chỉ số để hỗ trợ thanh toán và sử dụng dịch vụ số trên toàn thành phố.

Một số lĩnh vực ưu tiên phát triển:

- *Lĩnh vực Y tế*: Phát triển nền tảng hỗ trợ tư vấn, khám chữa bệnh từ xa; từng bước xây dựng nền tảng quản trị y tế thông minh dựa trên công nghệ số; triển khai bệnh án điện tử; hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân trên địa bàn thành phố đảm bảo mỗi người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt. Xây dựng hệ thống theo dõi, cảnh báo dịch bệnh; hệ thống thông tin quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm của thành phố.

- *Lĩnh vực Giáo dục đào tạo*: Tăng cường đưa các hoạt động giáo dục, đào tạo lên môi trường số; phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng công

nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập và công tác tuyển sinh; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Triển khai thí điểm cấp chứng nhận điện tử, chứng chỉ điện tử ứng dụng công nghệ chữ ký số, chứng thực văn bằng điện tử. Phát triển, hình thành các cơ sở dữ liệu học sinh, sinh viên trọn đời, cơ sở dữ liệu đào tạo trực tuyến e-learning, cơ sở dữ liệu về học liệu mở.

- *Lĩnh vực Báo chí, truyền thông*: Xây dựng tòa soạn hội tụ công nghệ hiện đại, đưa toàn bộ nghiệp vụ báo chí lên môi trường số. Ứng dụng các công nghệ số để tạo ra các sản phẩm mới: ứng dụng trả lời tự động, sản phẩm báo chí dữ liệu, báo chí thị giác, giúp tăng lưu lượng người dùng, truyền tải thông điệp được cá nhân hóa đến từng bạn đọc. Sử dụng các nền tảng phân tích thông tin, dư luận trên mạng xã hội giúp các cơ quan báo chí nắm bắt kịp thời thông tin, dư luận xã hội, nhờ đó nhận biết được nhu cầu thông tin, có tin bài đáp ứng đúng mong muốn của người đọc, đúng thời điểm người đọc cần.

5. Kinh phí thực hiện

- Ưu tiên bố trí kinh phí từ ngân sách để phục vụ các nhiệm vụ, dự án chuyên đổi số do các cơ quan Đảng và Nhà nước chủ trì thực hiện.

- Huy động các nguồn lực đầu tư của doanh nghiệp, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác thông qua các chính sách khuyến khích, thu hút doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển chuyển đổi số.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết tới cán bộ, đảng viên, thành viên của tổ chức mình; cụ thể hóa triển khai thực hiện phù hợp với tình hình, điều kiện của từng ngành, đơn vị mình. Người đứng đầu cấp ủy đảng, chính quyền, các cơ quan, đơn vị quán triệt sâu sắc tầm quan trọng và lợi ích, cơ hội do chuyển đổi số mang lại và chịu trách nhiệm chủ trì, lãnh đạo thực hiện chuyển đổi số, gắn trách nhiệm cá nhân với kết quả thực hiện tại đơn vị mình phụ trách.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân thành phố chỉ đạo bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách tạo thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số trên địa bàn thành phố; chỉ đạo giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết. Bảo đảm kinh phí hằng năm cho chuyển đổi số.

3. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo ban hành Chương

trình hành động thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch chi tiết chuyên đổi số trong ngành, địa phương, đơn vị phụ trách; xác định lộ trình, cân đối, phân kỳ nguồn lực đầu tư hợp lý để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ trong Nghị quyết; định kỳ hằng năm báo cáo kết quả thực hiện cho Ban Thường vụ Thành ủy, đồng thời căn cứ tình hình thực tế để đề xuất điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ cho phù hợp.

4. Ban Dân vận Thành ủy phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố tổ chức phát động phong trào toàn dân hưởng ứng, tham gia công cuộc chuyển đổi số tại thành phố; đồng thời, tăng cường vai trò giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

5. Ban Tuyên giáo Thành ủy tham mưu xây dựng và ban hành kế hoạch tổ chức quán triệt, triển khai Nghị quyết trên địa bàn thành phố; chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị thực hiện tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân, tạo sự đồng thuận trong hệ thống chính trị và toàn xã hội, góp phần thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng “đề báo cáo”,
- Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Kinh tế Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng “đề báo cáo”,
- Ban cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông,
- Các đảng bộ trực thuộc Thành ủy,
- Các ban, cơ quan Thành ủy,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố,
- Các đồng chí Ủy viên Thành ủy,
- Lưu Văn phòng Thành ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**



Trần Lưu Quang